

Số: /BC-STP

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết quy định số lượng, mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho công tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Đồng Nai.

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 7832/SYT-VP ngày 20/9/2021 của Sở Y tế về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định số lượng, mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho công tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện chức năng thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung). Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo và các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. Hồ sơ thẩm định

Hồ sơ dự thảo gửi thẩm định bao gồm:

1. Dự thảo: Tờ trình; Nghị quyết.
2. Báo cáo tiếp thu, giải trình; Bảng tổng hợp ý kiến góp ý; Bản sao ý kiến góp ý của các bộ, ngành, cơ quan, đơn vị.
3. Kết quả lấy ý kiến trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

II. Nội dung thẩm định

1. Sự cần thiết ban hành; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết

Nhằm ổn định và duy trì đội ngũ công tác viên dân số, góp phần nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe và chính sách dân số trên địa bàn tỉnh, việc Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết quy định số lượng, mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho công tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là cần thiết.

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng tại dự thảo được xác định rõ ràng, cụ thể.

2. Tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Căn cứ khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của công tác viên dân số quy định một trong những quyền lợi của công tác viên dân số “*2. Mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho công tác viên dân số do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định*” và điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư số 02/2021/TT-BYT quy định “*2. Căn cứ vào đặc điểm, tình hình thực tế của địa phương, Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm: a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định số lượng, quy trình xét chọn, hợp đồng trách nhiệm, mức chi bồi dưỡng đối với công tác viên dân số theo quy định.*”

Căn cứ khoản 4 mục IV Quyết định số 496/QĐ-TTg ngày 30/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức bộ máy, mạng lưới và cơ chế phối hợp liên ngành làm công tác dân số và phát triển các cấp quy định “*Bảo đảm đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số và phát triển. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho công tác dân số và phát triển nhằm nâng cao chất lượng dân số, nhất là đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo.*”

Căn cứ điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh “*Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách...*”.

Căn cứ khoản 2 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định: “*Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.*”, việc Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Nghị quyết quy định số lượng, mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho công tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là phù hợp về thẩm quyền theo quy định pháp luật.

3. Về nội dung dự thảo

3.1. Đối với dự thảo Nghị quyết

a) Tại khoản 1 Điều 3, căn cứ khoản 1 Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BYT quy định: “*Công tác viên dân số được bố trí phụ trách công việc theo địa bàn thôn tùy thuộc đặc điểm, tình hình thực tế của địa phương nhưng đảm bảo mỗi thôn có*

tối thiểu 01 công tác viên dân số”, đề nghị xác định rõ số lượng bố trí theo ấp/ khu phố. Đồng thời, để phù hợp về việc quy định số lượng công tác viên dân số, đề nghị trình bày lại như sau:

“a) Mỗi ấp/khu phố ở khu vực thành thị (phường, thị trấn): Trung bình 300 hộ dân cư bố trí 01 công tác viên.

b) Mỗi ấp/khu phố ở khu vực nông thôn (xã): Trung bình 200 hộ dân cư bố trí 01 công tác viên.”

Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, báo cáo số lượng dân cư, tình hình thực tế của mỗi ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh. Đánh giá hiệu quả của việc bố trí trung bình 300 hộ tại mỗi ấp/khu phố tại khu vực thành thị thì công tác viên có đảm bảo việc sâu sát, hỗ trợ kịp thời. Trường hợp các ấp/khu phố chia trung bình ra dưới 300 hộ hoặc trên 300 hộ thì sẽ áp dụng như thế nào, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, đánh giá cụ thể để đảm bảo tính công bằng cho các công tác viên cũng như hiệu quả công việc khi tham gia.

Mặt khác, trên địa bàn tỉnh cũng có nhiều khu vực ấp/ khu phố trọng điểm, an ninh trật tự phức tạp thì đề nghị cần quan tâm và có chính sách cao hơn cho công tác viên tại những khu vực này so với các khu vực khác.

b) Về mức chi bồi dưỡng, trên cơ sở ý kiến chuyên môn của Sở Tài chính và ý kiến của Bộ, ngành liên quan, báo cáo đánh giá tác động chính sách, Sở Tư pháp thống nhất với mức chi.

c) Tại Nơi nhận, đề nghị lưu ý phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung *“viết tắt tên người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành”* theo quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

3.2. Đối với dự thảo Tờ trình

a) Tại mục I

- Tại khoản 1 về sự cần thiết, đề nghị xác định đúng thẩm quyền thông qua dự thảo Nghị quyết, cụ thể trình bày lại đoạn cuối như sau:

“Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết quy định số lượng, mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho công tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.”

- Tại khoản 2 về số lượng công tác viên dân số, đề nghị nghiên cứu ý kiến thẩm định tại dự thảo Nghị quyết để trình bày lại cho thống nhất và phù hợp. Đồng thời, trên cơ sở ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết, đề nghị đánh giá làm rõ để Ban thẩm tra của Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét.

b) Tại mục III, về quá trình xây dựng dự thảo, đề nghị bổ sung khái quát kết quả lấy ý kiến của các bộ, ngành, sở, ban, ngành về nội dung dự thảo; ý kiến đảng Cộng Thông tin điện tử của tỉnh.

c) Tại mục IV, trên cơ sở ý kiến góp ý đối với nội dung dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, hoàn chỉnh lại bố cục, nội dung dự thảo Tờ trình. Đồng thời, bố cục nội dung chỉ trình bày tóm tắt bố cục dự thảo Nghị quyết, không trình bày toàn bộ nội dung Nghị quyết vào dự thảo Tờ trình vì đã kèm theo nội dung dự thảo Nghị quyết.

d) Đối với dự toán kinh phí, đề nghị phối hợp Sở Tài chính rà soát, dự toán thực hiện theo từng năm, giai đoạn để đảm bảo đầy đủ về hồ sơ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Đối với hồ sơ kèm theo Tờ trình trình Ủy ban nhân dân tỉnh, đề nghị nghiên cứu Điều 131 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung) để rà soát, đính kèm đầy đủ theo quy định.

g) Lưu ý thống nhất bố cục trình bày các mục, khoản, điểm và lỗi chính tả trong toàn bộ nội dung dự thảo.

3.3. Đối với dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách

a) Bố cục nội dung trình bày đảm bảo phù hợp với mẫu số 01 phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

b) Tại khoản 1 mục I, đề nghị xem lại nội dung đoạn *“Giai đoạn hiện nay, cộng tác viên dân số được giao thêm nhiệm vụ tham gia giáo dục sức khỏe và vận động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại địa phương. Khi kiêm nhiệm thêm công tác gia đình và trẻ em, họ có thêm các nhiệm vụ sau...”*, đề nghị rà soát, trình bày thống nhất nội dung kiêm nhiệm đảm bảo phù hợp, mở đầu là *“thêm nhiệm vụ tham gia giáo dục sức khỏe và vận động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi”* tiếp theo lại trình bày *“kiêm nhiệm thêm công tác gia đình và trẻ em.”*

c) Trên cơ sở ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết, Tờ trình, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, thống nhất nội dung dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách.

d) Đối với các phụ lục kèm theo, đề nghị rà soát đảm bảo tính chính xác về số liệu dự toán kinh phí.

III. Kết luận

Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Sở Tư pháp có ý kiến kết luận như sau:

1. Dự thảo Nghị quyết quy định số lượng, mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho cộng tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung), phù hợp về thẩm quyền, đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý hoàn thiện dự thảo theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp. Đối với các ý kiến không tiếp thu phải được giải trình rõ lý do, hoàn thiện dự thảo văn bản trước khi tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định số lượng, mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho cộng tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, đề nghị Sở Y tế nghiên cứu, chỉnh lý dự thảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở; các PGĐ Sở;
- TTTĐT Sở;
- Lưu: VT, XDPBPL.
(Hai-TĐ)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Quang Tuấn